

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 528/2021/HS-ST
Ngày 10-12-2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Chánh

2. Ông Huỳnh Thế Cần

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trương Kim Quyết – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 408/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 338/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2021; Thông báo dời lịch số 903/TB-TA ngày 24/8/2021; Thông báo dời lịch số 1125/TB-TA ngày 24/9/2021; Thông báo dời lịch số 1088/TB-TA ngày 26/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1205/2021/HSST-QĐ ngày 15/11/2021, đối với:

- Các bị cáo:

1. Dương Wei Quốc T, sinh ngày 15/12/2003, tại tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký thường trú: Xã TH, Hện P, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: Phường Đ, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Thanh T2 và bà Wei A M; gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 29/7/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 393/2020/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 24/12/2020.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/3/2021 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa (*Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt*).

2. Hoàng Minh Đ, sinh ngày 20/8/2004 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Phường Tân P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C và bà Đoàn Thị Hoa X; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/5/2021 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa (*Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt*).

3. Bùi Trọng T1, sinh ngày 20/01/2003 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ tên cha Bùi Văn L và mẹ: Không rõ; bị cáo là con duy nhất trong gia đình và chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 23/6/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 346/2021/HSST.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 19/4/2021. Tuy nhiên, ngày 14/10/2021, bị cáo bị bắt theo Lệnh tạm giam số 1132 và bị Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa khởi tố về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Biên Hòa (*Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- Người đại diện hợp pháp cho các bị cáo:

1/ Người đại diện hợp pháp cho bị cáo T: Ông Dương Thanh T2, sinh năm 1976 và bà Wei A M, sinh năm 1978; cùng địa chỉ: Phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

2/ Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đ: Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1954 và bà Đoàn Thị Hoa X, sinh năm 1958; cùng địa chỉ: Phường Tân P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

3/ Người đại diện hợp pháp cho bị cáo T1: Ông Bùi Văn L, sinh năm 1964; địa chỉ: Phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

- Bị hại:

1/ Chị Trần Thị T3, sinh năm 1988; địa chỉ: Phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

2/ Anh Vũ Xuân T3, sinh năm 1971; địa chỉ: phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (*Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Cháu Nguyễn Ngọc Kim T4, sinh ngày 30/3/2005.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Tuyền: Anh Nguyễn Thanh C.

Cùng địa chỉ: Phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (*Anh C và cháu T4 vắng mặt tại phiên tòa*).

2/ Ông Lê Văn B, sinh năm 1938; địa chỉ: Phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

- *Bị đơn dân sự:*

1/ Anh Phạm Minh T5, sinh năm 1986 và chị Dương Thị N, sinh năm 1986; cùng địa chỉ: Phường Đ, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

2/ Anh Nguyễn Hoài T6, sinh năm 1983 và chị Châu Thị D, sinh năm 1986; cùng địa chỉ: Phường Đ, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

3/ Chị Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1986; địa chỉ: phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

- *Người làm chứng:*

1/ Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1979; địa chỉ: Phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

2/ Cháu Phạm Minh T7, sinh ngày 12/12/2006; địa chỉ: Phường Đ, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

3/ Cháu Châu Văn P1, sinh ngày 19/5/2007; địa chỉ: Phường Đ, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

4/ Cháu Trần Gia H, sinh ngày 13/01/2007; địa chỉ: phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

1/ *Người bào chữa cho bị cáo T:* Bà Nguyễn Ngọc H1 – Trợ giúp viên Trung tâm pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Nai (*Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt*).

2/ *Người bào chữa cho bị cáo Đ:* Bà Hoàng Minh T8 – Trợ giúp viên Trung tâm pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Nai (*Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt*).

3/ *Người bào chữa cho bị cáo T1:* Luật sư Trần Hữu N1 – Văn phòng luật sư Trần Hữu N1 thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai (*Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Dương Wei Quốc T, Hoàng Minh Đ và Bùi Trọng T1 là các đối tượng không có nghề nghiệp, trong khoảng thời gian từ ngày 18/01/2021 đến ngày 19/01/2021, các đối tượng đã thực hiện 02 (hai) vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Biên Hoà, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 12 giờ ngày 18/01/2021, T cùng với các đối tượng Phạm Minh T7, sinh ngày 12/12/2006, hộ khẩu thường trú xã P, Hện M, tỉnh Sóc Trăng; Trần Gia H, sinh ngày 13/01/2007, hộ khẩu thường trú số phường A, thành phố B và Châu Văn P1, sinh ngày 19/5/2007, hộ khẩu thường trú tại xã H, Hện TB, tỉnh An Giang bàn bạc với nhau đi tìm ai có tài sản sơ hở sẽ trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài. P1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu đỏ (không rõ biển số) chở theo H, còn T điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở theo T7 đi từ nhà của H tại địa chỉ phường A, thành phố B đến khu vực phường TH, thành phố B để tìm tài sản trộm cắp. Khi đi đến trước nhà số 113/21D, tổ 11, khu phố 2, phường TH, thành phố B thì cả nhóm phát hiện 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 60B9-334.57 của chị Trần Thị T3, sinh năm 1988, hộ khẩu thường trú số phường L, thành phố B đang dựng ở ngoài đường, khóa cổ và không có người trông coi nên cả nhóm đi đến lấy trộm. Lúc này, T, H, P1 đứng cạnh giới, còn T7 dùng đoạn bẻ khóa xe mô tô rồi dẫn bộ xe đi một đoạn, do xe không khởi động máy được nên T7 ngồi lên xe để cho T điều khiển xe và dùng chân đẩy xe trên về nhà của H. Sau đó, T7 tìm thấy giấy đăng ký xe mô tô để trong cốp xe nên đưa xe cùng giấy tờ xe cho Trần Thị Ngọc M để nhờ M mang đi cầm thì M đồng ý. M mang xe mô tô trên đến cửa hàng xe máy “Hùng Dũng”, địa chỉ số E831, khu phố 5A, phường L, thành phố B do anh Lê Văn B, sinh năm 1938 làm chủ và cầm được số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền trên M, T7, T, H và P1 đã chia nhau tiêu xài hết.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị Trần Thị T3 đã đến Công an phường Tam Hoà trình báo sự việc. Công an phường Tam Hoà đã lập hồ sơ chuyển cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà giải quyết theo quy định pháp luật.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng – xanh, biển số 60B9-334.57, số máy 1FC5023051, số khung FC50FY023054; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số 024270, mang tên Nguyễn Thị Vân, sinh năm 1989, địa chỉ Lý Lịch 1, xã PL, Huyện V, tỉnh Đồng Nai là tài sản của chị Trần Thị T3 (xe do chị T3 mua lại nhưng chưa sang tên), cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà đã thu hồi trả lại cho chị T3.

- 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 231110825 mang tên Lê Hoàng P2, sinh năm 1995, hộ khẩu thường trú xã K, Huyện C, tỉnh Gia Lai, là tài sản của Trần Thị Ngọc M mang đi cầm cùng với xe mô tô biển số 60B9-334.57. Hiện cơ quan điều tra chưa bắt được M nên tiếp tục tạm giữ làm rõ sẽ xử lý sau.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 87/KL-HĐĐGTS ngày 10/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa đã kết luận: “01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng – xanh, biển số 60B9-334.57 có giá trị tài sản định giá là 14.560.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng)”.

Về dân sự: Bị hại Trần Thị T3 đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn B không có yêu cầu bồi thường.

Vụ thứ hai:

Vào lúc 00 giờ 10 phút ngày 19/01/2021, Dương Wei Quốc T rủ Hoàng Minh Đ, Nguyễn Trọng T1, Phạm Minh T7 và Trần Gia H đi tìm xem ai có tài sản sơ hở sẽ trộm cắp thì tất cả đều đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave biển số 60HB-1393 chở H và T7, còn T1 điều khiển xe mô tô biển số 60F2-652.34 chở T đi từ nhà H tại địa chỉ phường A, thành phố B đi theo hướng đường Phạm Văn Thuận đi Ngã tư Lạc Cường. Khi đi đến trước Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên gạo Mỹ Phương địa chỉ , phường T, thành phố B thì cả nhóm phát hiện 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 60F1-118.26 của anh Vũ Xuân T3, sinh năm 1971, hộ khẩu thường trú số 15/34, khu phố 5, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, chìa khoá xe đang cắm sẵn trong ổ khoá xe và không có người trông coi. Lúc này, Đ, T1, T, H đứng cạnh giới, còn T7 đi bộ đến vị trí để xe mô tô rồi lấy xe tẩu thoát. Sau đó, tất cả mang xe về nhà của H. Tại đây, T7 dùng tua vít tháo biển số xe mô tô 60F1 – 118.26 mang vứt đi và tháo thiết bị định vị trên xe mô tô, đập hư rồi vứt xuống ruộng nước sau nhà H, sau đó, T7 lấy một biển số giả (không rõ biển số) gắn vào xe. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày T điều khiển xe mô tô trên (đã thay biển số) chở T7 mang đến tiệm game bắn cá tại phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa bán cho một người tên Thái (không rõ họ tên, địa chỉ) với số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). T7 và T cùng nhau sử dụng hết số tiền 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng), còn lại số tiền 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng), T7 mang về nhà đưa cho Trần Thị Ngọc M, T7 nói cho M biết số tiền trên có được là do bán xe mô tô cả nhóm trộm cắp được và nhờ M chia tiền cho cả nhóm, M đồng ý. Sau đó, M chia tiền cho H, Đ, T7, T1 mỗi người 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), số tiền còn lại là 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng), M đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Wave anpha, màu trắng, biển số 60F2 – 652.34 là tài sản của chị Nguyễn Ngọc Kim T4, sinh ngày 30/3/2005, địa chỉ số 57/14B, khu phố 2 (bạn gái của Bùi Trọng T1), chị Tuyên không biết T1 đã sử dụng xe của chị T4 để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà đã trả lại cho chị T4.

- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Wave, màu bạc, biển số 60HB – 1393.

- 02 (hai) tờ tiền Polymer màu tím, mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), là tài sản của Hoàng Minh Đ và Phạm Văn T7 thu lợi từ việc phạm tội.

- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda Airblade, màu trắng – xám, biển số 60F1 – 118.26, số máy JF46B0057308, số khung 4600DY067226, là tài sản của anh Vũ Xuân T3. Hiện chưa thu hồi được, do sau khi trộm cắp, T và đồng bọn đã mang xe bán cho đối tượng tên Thái (không rõ họ, địa chỉ), hiện chưa làm việc

với đối tượng Thái, cơ quan điều tra cũng đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không tìm thấy.

- 01 (một) biển số xe 60F1 – 118.26 của xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade và 01 (một) bộ thiết bị định vị chống trộm của xe. Hiện chưa thu hồi được, do sau khi lấy trộm xe, Phạm Minh T7 đã tháo biển số xe và thiết bị định vị mang vứt đi. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 42/KL – HĐĐGTS ngày 20/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa đã kết luận: “01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda Airblade, màu trắng – xám, biển số 60F1 – 118.26, số máy JF46B0057308, số khung 4600DY067226, có giá trị định giá là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)”.

Về dân sự: Bị hại Vũ Xuân T3 yêu cầu bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

2. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 427/CT-VKSBH ngày 08/7/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố Dương Wei Quốc T, Hoàng Minh Đ, Bùi Trọng T1 về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo Khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị;

+ Áp dụng Khoản 1, Điều 173 và Điểm s, Khoản 1 Điều 51, Điểm g, Khoản 1 Điều 52, Điều 58; Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt: Bị cáo Dương Wei Quốc T từ 14 (mười bốn) đến 16 (mười sáu) tháng tù.

+ Áp dụng Khoản 1, Điều 173 và Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 58; Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt: Bị cáo Hoàng Minh Đ từ 10 (mười) đến 12 (mười hai) tháng tù.

+ Áp dụng Khoản 1, Điều 173 và Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 58; Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt: Bị cáo Bùi Trọng T1 từ 12 (mười hai) đến 14 (mười bốn) tháng tù.

- Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

3. Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

- Các bị cáo Dương Wei Quốc T, Hoàng Minh Đ, Bùi Trọng T1 thừa nhận tội danh đúng theo cáo trạng đã truy tố, các bị cáo ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt và có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn của bị cáo đã được Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa xác nhận.

- Bị hại chị Trần Thị T3 trình bày trong hồ sơ: Chị T3 đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

- Bị hại anh Vũ Xuân T3 có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 29/11/2021. Tại đơn xin vắng mặt, anh T3 yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê Văn B trình bày trong hồ sơ: Không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

- Người bào chữa cho bị cáo Dương Wei Quốc T có đơn xin xét xử vắng mặt và có bản luận cứ trình bày bào chữa như sau: Bị cáo T phạm tội khi chưa thành niên, cha mẹ ly hôn từ khi T còn nhỏ nên T không nhận được sự quan tâm, giáo dục của gia đình nhất là từ người mẹ. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 173, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T một mức án thấp nhất vừa đảm bảo T1h răn đe, giáo dục, vừa giúp đỡ người phạm tội dưới 18 tuổi sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

- Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Minh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt và có bản luận cứ trình bày bào chữa như sau: Bị cáo Đ phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tham gia với vai trò giúp sức. Bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 173, điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Khoản 3 Điều 54, Điều 65, Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đ một mức án thấp nhất, không cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo khỏi xã hội, vừa đảm bảo T1h răn đe, giáo dục, vừa giúp đỡ người phạm tội dưới 18 tuổi sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

- Người bào chữa cho bị cáo Bùi Trọng T1 có đơn xin xét xử vắng mặt và có bản luận cứ trình bày bào chữa như sau: Bị cáo T1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội khi chưa thành niên, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo tham gia với vai trò giúp sức, T1 bị T rủ rê, lôi kéo, do còn nông nổi nên thực hiện hành vi phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T1 được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Các bị cáo, người đại diện theo pháp luật của các bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị đơn dân sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa gồm có: Các bị cáo Dương Wei Quốc T, Hoàng Minh Đ, Bùi Trọng T1; bị hại là chị Trần Thị T3, anh Vũ Xuân T3; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Nguyễn Ngọc Kim T4 (Người đại diện hợp pháp cho cháu Tuyên: Anh Nguyễn Thanh C), ông Lê Văn B; người đại diện hợp pháp cho bị cáo T ông Dương Thanh T2 và bà Wei A M; người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đ ông Hoàng Văn C và bà Đoàn Thị Hoa X; người đại diện hợp pháp cho bị cáo T1 ông Bùi Văn L; bị đơn dân sự là anh Phạm Minh T5 và chị Dương Thị N, anh Nguyễn Hoài T6 và chị Châu Thị D, chị Trần

Thị Ngọc M; người làm chứng Nguyễn Thanh P, Phạm Minh T7, Châu Văn P1, Trần Gia H; người bào chữa cho các bị cáo T, Đ, T1: Bà Nguyễn Ngọc H1, bà Hoàng Minh T8, Luật sư Trần Hữu N1. Tuy nhiên, các bị cáo T, Đ, T1 đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có xác nhận của Nhà tạm giữ - Công an thành phố Biên Hòa. Anh T3 có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Ngọc H1, bà Hoàng Minh T8, Luật sư Trần Hữu N1 có đơn xin xét xử vắng mặt; chị T3, ông B, anh T5, chị N, anh T6, chị D, chị M, ông T7, bà M, ông C, bà X, ông L, Nguyễn Thanh P, Phạm Minh T7, Châu Văn P1, Trần Gia H vắng mặt nhưng đã có lời trình bày trong hồ sơ. Chị T3, ông B cũng không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Do đó, việc vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- *Những chứng cứ xác định có tội:* Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử công bố tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 18/01/2021 đến ngày 19/01/2021, Dương Wei Quốc T, Bùi Trọng T1, Hoàng Minh Đ cùng với Châu Văn P1, sinh ngày 19/5/2007, Phạm Minh T7, sinh ngày 12/12/2006, Trần Gia H, sinh ngày 13/01/2007 đã thực hiện 02 (hai) vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Biên Hòa, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 12 giờ, ngày 18/01/2021, tại trước nhà số 113/21D, tổ 11, khu phố 2, phường TH, thành phố B, Dương Wei Quốc T cùng với Phạm Minh T7, Trần Gia H và Châu Văn P1, có hành vi trộm cắp tài sản là 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng – xanh, biển số 60B9-334.57 trị giá 14.560.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) của chị Trần Thị T3.

Vụ thứ hai: Khoảng 00 giờ 10 phút, ngày 19/01/2021, tại trước Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên gạo Mỹ Phương địa chỉ 43/17/1, khu phố 5, phường T, thành phố B, Dương Wei Quốc T, Bùi Trọng T1, Hoàng Minh Đ, Phạm Minh T7, Trần Gia H, có hành vi trộm cắp tài sản là 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda Airblade, màu trắng – xám, biển số 60F1 – 118.26 trị giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) của anh Vũ Xuân T3 nên T, T1, Đ cùng T7, Phong, H bị xử lý theo quy định pháp luật.

Dương Wei Quốc T là người rủ rê các bị cáo Đ, T1 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 19/01/2021, đồng thời là người giúp sức tích cực cảnh giới để Phạm Minh T7 02 (hai) lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, chiếm đoạt tổng giá trị tài sản là 24.560.000 đồng (Hai mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Bùi Trọng T1, Hoàng Minh Đ là đồng phạm với vai trò giúp sức cảnh giới cho Phạm Minh T7 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, chiếm đoạt tài sản có giá trị 10.000.000 (Mười triệu đồng).

- *Xét T1h chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi:* Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được Nhà nước bảo vệ, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo đã nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Đối với bị cáo T, đã từng bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng lại không lấy đó làm bài học để rút kinh nghiệm sâu sắc cho bản thân mà khi vừa chấp hành xong hình phạt lại tiếp tục phạm tội, điều này chứng tỏ thái độ xem thường pháp luật của bị cáo T.

Đối với bị cáo T1, trong khoảng thời gian từ tháng 01 đến tháng 02/2021, T1 đã thực hiện nhiều lần hành vi trộm cắp tài sản. Trong khi chờ xử lý đối với hành vi trộm cắp trong vụ án này thì ngày 23/6/2021, bị cáo T1 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 346/2021/HSST. Ngày 14/10/2021, T1 bị Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa khởi tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị bắt theo Lệnh tạm giam số 1832 ngày 14/10/2021. Việc liên tiếp có các hành vi vi phạm pháp luật chứng tỏ bị cáo T1 xem thường pháp luật, bất chấp hậu quả xảy ra, cần phải có mức hình phạt nghiêm minh để đảm bảo tính răn đe đối với bị cáo T1.

- *Về tội danh:* Từ căn cứ trên, xác định các bị cáo Dương Wei Quốc T, Hoàng Minh Đ, Bùi Trọng T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản Cáo trạng số: 427/CT-VKSBH ngày 08/7/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố các bị cáo Dương Wei Quốc T, Hoàng Minh Đ, Bùi Trọng T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo các điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- *Đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án:* Trong vụ án này, Dương Wei Quốc T là người rủ rê các bị cáo Đ, T1 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 19/01/2021 đồng thời T cũng là người rủ rê và giúp sức cho Phạm Minh T7 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 18/01/2021; Bùi Trọng T1, Hoàng Minh Đ là đồng phạm với vai trò giúp sức thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, chiếm đoạt tài sản có giá trị 10.000.000 (Mười triệu đồng). Xét thấy, đây là một vụ án đồng phạm với tính chất giản đơn, các bị cáo cùng bàn bạc với nhau đi tìm tài sản sơ hở để trộm cắp lấy tiền tiêu xài, không có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng. T là người khởi xướng ý định trộm cắp và rủ rê các bị cáo khác cùng tham gia nên vai trò của T là cao hơn, khi xem xét lượng hình thì mức hình phạt của T phải cao hơn đối với các bị cáo khác trong vụ án để đảm bảo T1h răn đe. T1 và Đ với vai trò giúp sức tích cực nên vai trò là ngang nhau và thấp hơn T.

- *Về độ tuổi của các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội:*

Bị cáo Dương Wei Quốc T, sinh ngày 15/12/2003, bị cáo Hoàng Minh Đ, sinh ngày 20/8/2004. Như vậy, T1h đến thời điểm phạm tội, các bị cáo T, Đ đều chưa đủ 18 tuổi.

Riêng đối với bị cáo Bùi Trọng T1, T1 khai sinh ngày 20/01/2003 nhưng hồ sơ thể hiện không thu thập được giấy khai sinh của T1. Do đó, Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã ra Quyết định trưng cầu giám định để xác định chính xác độ tuổi của T1. Tại Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 0248/ĐT/2021 ngày 30/3/2021 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai, tại thời điểm ngày 30/3/2021, bị cáo T1 được xác định là 17 tuổi 06 tháng (+/- 06 tháng). Theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, Tính đến thời điểm phạm tội ngày 19/01/2021, T1 chưa đủ 18 tuổi.

Như vậy, cần áp dụng quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo T, Đ và T1.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo Đ và T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo T, T thực hiện 02 vụ trộm cắp vào các ngày 18 và 19/01/2021 nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo Điểm g, Khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Đối với bị cáo T và bị cáo T1: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại Điểm s, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Đ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo Đ có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại Điểm i, s Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những nhận định nêu trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo Dương Wei Quốc T, Hoàng Minh Đ, Bùi Trọng T1 để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của pháp luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[3] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:

- Bị hại chị Trần Thị T3 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thêm nên không xem xét.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn B không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

- Bị hại anh Vũ Xuân T3 yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Theo các tài liệu trong hồ sơ thể hiện thì các bị cáo T, Đ, T1 đều không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp do đó không đủ điều kiện để thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho anh Tiễn.

Trong vụ trộm cắp chiếc xe của anh Vũ Xuân T3, ngoài các bị cáo T, Đ, T1 là người chưa thành niên phạm tội còn có Phạm Minh T7, Trần Gia H và Châu Văn P1 cùng tham gia. Tuy nhiên, T1h đến thời điểm phạm tội, các đối tượng T7, H và Phong đều chưa đủ 16 tuổi. Tuy nhiên, trường hợp này, cần xác định cha, mẹ của các đối tượng T7, H, Phong là bị đơn dân sự và có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Tiễn.

Do đó, đối với trường hợp này cần tuyên buộc ông Dương Thanh T2 và bà Wei A M, ông Hoàng Văn C và bà Đoàn Thị Hoa X, ông Bùi Văn L là người đại diện hợp pháp cho các bị cáo Dương Wei Quốc T, Hoàng Minh Đ, Bùi Trọng T1 cùng với ông Phạm Văn T5 và bà Dương Thị N, bà Trần Thị Ngọc M, bà Châu Thị D và ông Nguyễn Hoài T6 là người đại diện hợp pháp của các đối tượng Phạm Minh T7, Trần Gia H, Châu Văn P1 liên đới bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho bị hại Vũ Xuân T3 theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng – xanh, biển số 60B9-334.57, số máy 1FC5023051, số khung FC50FY023054; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số 024270, mang tên Nguyễn Thị Vân, sinh năm 1989, địa chỉ Lý Lịch 1, xã Phú Lý, Hện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai là tài sản của chị Trần Thị T3 (xe do chị T3 mua lại nhưng chưa sang tên), cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà đã thu hồi trả lại cho chị T3 là phù hợp.

- Đối với 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 231110825 mang tên Lê Hoàng P2, sinh năm 1995, hộ khẩu thường trú xã La Kia, Hện Đ Cơ, tỉnh Gia Lai, là tài sản của bị can Trần Thị Ngọc M mang đi cầm cùng với xe mô tô biển số 60B9-334.57. Hiện cơ quan điều tra chưa bắt được M nên tiếp tục tạm giữ làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

- Đối với 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Wave anpha, màu trắng, biển số 60F2 – 652.34 là tài sản của Nguyễn Ngọc Kim T4, sinh ngày 30/3/2005, địa chỉ số 57/14B, khu phố 2 (bạn gái của Bùi Trọng T1), Tuyên không biết T1 đã sử dụng xe của T4 để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà đã trả lại cho T4 là phù hợp.

- Đối với xe mô tô, nhãn hiệu Wave, màu bạc, biển số 60HB – 1393 là tài sản của Trần Thị Ngọc M (xe không có giấy đăng ký xe). Qua xác minh tại phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Đồng Nai, xe trên do chị Nguyễn Thị Tuyên, địa chỉ số 20/17A, khu phố 2, phường Bình Đa, thành phố Biên Hoà đứng tên chủ sở hữu, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa làm việc được với chị Tuyên nên cơ quan điều tra tách ra tiếp tục làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

- Đối với 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda Airblade, màu trắng – xám, biển số 60F1 – 118.26, số máy JF46B0057308, số khung 4600DY067226, là tài sản của anh Vũ Xuân T3. Hiện chưa thu hồi được, do sau khi trộm cắp, T và đồng bọn đã mang xe bán cho đối tượng tên Thái (không rõ họ, địa chỉ), hiện chưa làm việc với đối tượng Thái, cơ quan điều tra cũng đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không tìm thấy.

- Đối với 01 (một) biển số xe 60F1 – 118.26 của xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade và 01 (một) bộ thiết bị định vị chống trộm của xe. Hiện chưa thu hồi được, do sau khi lấy trộm xe, Phạm Minh T7 đã tháo biển số xe và thiết bị định vị mang vứt đi. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 02 (hai) tờ tiền Polymer màu tím, mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), là tài sản của Hoàng Minh Đ và Phạm Văn T7 thu lợi từ việc phạm tội.

[5] Về các vấn đề khác liên quan đến nội dung vụ án:

- Đối với Trần Thị Ngọc M sau khi thực hiện hành vi phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, M đã bỏ trốn. Hiện cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Biên Hoà đã ra Quyết định truy nã, tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với M, khi bắt được M sẽ tiếp tục điều tra xử lý là phù hợp.

- Đối với các đối tượng Châu Văn P1, sinh ngày 19/5/2007, Phạm Minh T7, sinh ngày 12/12/2006, Trần Gia H, sinh ngày 13/01/2007, khi thực hiện hành vi phạm tội cùng với T, Đ và T1 thì các đối tượng này chưa đủ 16 tuổi, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo đối với Châu Văn P1, Phạm Minh T7, Trần Gia H là phù hợp.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Dương Wei Quốc T, Hoàng Minh Đ, Bùi Trọng T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Dương Thanh T2 và bà Wei A M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Ông Hoàng Văn C và bà Đoàn Thị Hoa X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Ông Bùi Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Ông Phạm Văn T5 và bà Dương Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Bà Trần Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Bà Châu Thị D và ông Nguyễn Hoài T6 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố các bị cáo về tội danh và đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của người bào chữa cho các bị cáo Dương Wei Quốc T, Hoàng Minh Đ, Bùi Trọng T1 là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận phần phù hợp.

- Đối với trình bày của các bị cáo trong đơn xin xét xử vắng mặt được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Dương Wei Quốc T, Hoàng Minh Đ, Bùi Trọng T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt:

Áp dụng Khoản 1, Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm g, Khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Dương Wei Quốc T **01** (một) năm **02** (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/3/2021.

Áp dụng Khoản 1, Điều 173 và Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 58; Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Hoàng Minh Đ **09** (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/5/2021.

Áp dụng Khoản 1, Điều 173 và Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 91, Điều 101 và Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Bùi Trọng T1 **01** (một) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù của bản án số 346/2021/HSST ngày 23/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa. Buộc bị cáo T1 phải chấp hành hình phạt của hai bản án là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo T1 đi chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 02 (hai) tờ tiền Polymer màu tím, mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), là tài sản của Hoàng Minh Đ và Phạm Minh T7 thu lợi từ việc phạm tội. Theo biên lai thu tiền số 0002337 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự;

Buộc ông Dương Thanh T2 và bà Wei A M, ông Hoàng Văn C và bà Đoàn Thị Hoa X, ông Bùi Văn L là người đại diện hợp pháp cho các bị cáo Dương Wei Quốc T, Hoàng Minh Đ, Bùi Trọng T1 cùng với ông Phạm Văn T5 và bà Dương Thị N, bà Trần Thị Ngọc M, bà Châu Thị D và ông Nguyễn Hoài T6 là người đại diện hợp pháp của các đối tượng Phạm Minh T7, Trần Gia H, Châu Văn P1 liên đới bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho bị hại Vũ Xuân T3.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Dương Wei Quốc T, Hoàng Minh Đ, Bùi Trọng T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Dương Thanh T2 và bà Wei A M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Ông Hoàng Văn C và bà Đoàn Thị Hoa X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Ông Bùi Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Ông Phạm Văn T5 và bà Dương Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Bà Trần Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Bà Châu Thị D và ông Nguyễn Hoài T6 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị đơn dân sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Các bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Bị đơn dân sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự ATXH;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố Biên Hòa;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Duyên